

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **AX**/ĐĐBQH-VP

V/v xin ý kiến dự án

*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)*

Trà Vinh, ngày **25** tháng 9 năm 2018

- Kính gửi:
- Thường trực, Trưởng các Ban HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo các sở, ngành tỉnh: Giáo dục và Đào tạo; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Trường Chính trị; Trường Đại học Trà Vinh; Hội Luật gia;
 - Lãnh đạo các Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
 - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào các dự thảo Luật trình tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh gửi đến các cơ quan, đơn vị dự thảo *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)* để xin ý kiến đóng góp (đính kèm).

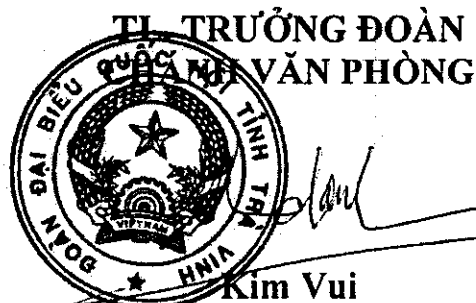
Dự kiến *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)* sẽ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, tuy nhiên dự thảo luật này vẫn còn một số nội dung có nhiều ý kiến khác nhau, do đó Đoàn đại biểu Quốc hội đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai phổ biến và lấy ý kiến rộng rãi đến các đối tượng có liên quan; tập trung đóng góp vào các vấn đề quan trọng, thực tế, quan điểm, nguyên tắc; đồng thời phải được Thủ trưởng đơn vị thông qua, ký duyệt và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

Các đơn vị thực hiện việc đóng góp ý kiến *bằng văn bản* (2 bản) đối với dự thảo Luật nêu trên và gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trước ngày **04/10/2018**, đồng thời gửi bằng file điện tử qua địa chỉ: vpddbqhtv@travinh.gov.vn

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VPĐĐBQH.



QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2018/QH14

Dự thảo 19/9/2018

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Luật này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học; tổ chức và cá nhân có liên quan đến giáo dục đại học.

2. Các viện nghiên cứu khoa học do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ được phép đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo quy định của Luật này.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giáo dục đại học* là giáo dục các trình độ sau trung học phổ thông và tương đương để được cấp bằng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Luật này quy định đối với trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

2. *Cơ sở giáo dục đại học* là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học, công nghệ và phục vụ cộng đồng.

3. *Trường đại học, học viện* (sau đây gọi chung là trường đại học) là cơ sở giáo dục đại học đào tạo một hoặc nhiều lĩnh vực; có khoa, phòng; trường, viện (nếu có) và một số đơn vị khác.

4. *Đại học* là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nhiều lĩnh vực, bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu, trường và một số đơn vị khác cùng thống nhất thực hiện mục tiêu, sứ mạng, nhiệm vụ chung.

5. *Đơn vị thành viên trong đại học* là trường đại học, viện nghiên cứu có tư cách pháp nhân, do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của pháp luật; được tự chủ, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của đại học.

6. *Đơn vị trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học* là các đơn vị có tư cách pháp nhân; do hội đồng trường, hội đồng đại học quyết định việc thành lập theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

7. *Đơn vị thuộc các cơ sở giáo dục đại học* là các đơn vị không có tư cách pháp nhân; do hội đồng trường, hội đồng đại học quyết định việc thành lập theo quy định của nhà trường, phù hợp với quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo quy chế của nhà trường.

8. *Trường* là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học, do hội đồng trường hoặc hội đồng đại học quyết định thành lập theo quy định của Chính phủ, hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

9. *Ngành đào tạo* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong một phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, phân loại.

10. *Chuyên ngành đào tạo* là một phần kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu có tính độc lập trong một ngành đào tạo, do các cơ sở giáo dục đại học quyết định.

11. *Lĩnh vực đào tạo* là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Thủ tướng Chính phủ thống kê, phân loại.

12. *Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học* là quyền được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về các hoạt động chuyên môn, tổ chức và nhân sự, tài chính, tài sản và các hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học.

13. *Trách nhiệm giải trình* là trách nhiệm báo cáo, thông tin của cơ sở giáo dục đại học đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý và các bên liên quan về việc tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện đúng các quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học; chịu trách nhiệm về hoạt động của mình.

3. *Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:*

“Điều 6. Trình độ, hình thức đào tạo của giáo dục đại học

1. Các trình độ đào tạo của giáo dục đại học quy định tại luật này bao gồm trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ. Chính phủ quy định trình độ tương đương đối với một số ngành đào tạo theo định hướng chuyên sâu đặc thù.

2. Hình thức đào tạo để cấp văn bằng các trình độ của giáo dục đại học bao

gồm: chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa. Việc chuyển đổi giữa các hình thức trong quá trình đào tạo được thực hiện theo nguyên tắc liên thông.

3. Các cơ sở giáo dục đại học được triển khai các hoạt động giáo dục thường xuyên, tổ chức, cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận phù hợp với ngành, lĩnh vực đào tạo của mỗi cơ sở theo quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

4. *Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:*

“Điều 7. Cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học gồm: đại học, trường đại học, học viện và các cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại học quốc gia, đại học vùng là đại học thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển các vùng của đất nước.

2. Loại hình cơ sở giáo dục đại học

a) Cơ sở giáo dục đại học công lập do Nhà nước đầu tư và đảm bảo điều kiện hoạt động;

b) Cơ sở giáo dục đại học tư thực do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư và đảm bảo điều kiện hoạt động;

Cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là cơ sở giáo dục đại học mà các nhà đầu tư cam kết và thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức, phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục.

3. Chỉ chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.

4. Các cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân; các loại hình cơ sở giáo dục đại học bình đẳng trước pháp luật.

5. Căn cứ vào năng lực và yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, cơ sở giáo dục đại học xác định mục tiêu phát triển, định hướng hoạt động theo hai loại: cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng.

6. Chính phủ quy định chi tiết về:

a) Tiêu chí công nhận cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu trên cơ sở kết quả đào tạo, nghiên cứu; có chính sách phù hợp để phát triển các cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng;

b) Điều kiện, thủ tục thành lập trường trong các cơ sở giáo dục đại học đào tạo nhiều lĩnh vực;

c) Chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục đại học; chuyển trường đại học thành đại học; liên kết các trường đại học thành đại học; nguyên tắc đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học;

d) Quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ nước ngoài.”

5. *Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:*

“Điều 9. Xếp hạng cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo

1. Xếp hạng cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo nhằm đánh giá uy tín, chất lượng, hiệu quả hoạt động theo những tiêu chí nhất định, đáp ứng nhu cầu thông tin cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động lựa chọn, tham gia các bảng xếp hạng có uy tín trong nước, quốc tế.

3. Các pháp nhân phi thương mại Việt Nam được thực hiện xếp hạng giáo dục đại học, phải đảm bảo trung thực, khách quan, minh bạch, có trách nhiệm công khai và giải trình về phương pháp, tiêu chí và kết quả xếp hạng.

6. *Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:*

“Điều 11. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học

1. Việc lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch; bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực; sắp xếp cơ sở giáo dục đại học công lập, phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thục có năng lực và hoạt động không vì lợi nhuận; hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn của đất nước, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch và các nội dung sau đây:

a) Xác định phương hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học;

b) Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học để thực hiện quy hoạch mạng lưới, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo;

c) Sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng đặc biệt khó khăn.

3. Việc thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

7. *Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:*

“Điều 12. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học

1. Phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

2. Ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng và các chính sách khác để phát triển giáo

dục đại học; Nhà nước phân bổ ngân sách cho giáo dục đại học thông qua các hình thức: chi đầu tư, chi nghiên cứu phát triển, đặt hàng nghiên cứu, đào tạo, học bổng, tín dụng sinh viên và các hình thức khác; có cơ chế phân bổ nguồn lực cho giáo dục đại học theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, hiệu quả.

Ưu tiên phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; phát triển một số ngành đặc thù, cơ sở giáo dục đại học có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển các vùng của đất nước.

3. Thực hiện xã hội hóa giáo dục đại học, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục đại học tư thục; ưu tiên các cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận; có chính sách ưu đãi đối với các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đầu tư vào hoạt động giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học; miễn, giảm thuế đối với tài sản hiến tặng, hỗ trợ cho giáo dục đại học, cấp học bổng và tham gia chương trình tín dụng sinh viên.

4. Có chính sách đồng bộ để đảm bảo quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học gắn liền với trách nhiệm giải trình.

5. Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, với nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ; có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quyền và trách nhiệm tiếp nhận, tạo điều kiện để người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, giáo sư đầu ngành trong các cơ sở giáo dục đại học.

7. Ưu tiên đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đối tượng học các ngành đặc thù đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục đại học.

8. Khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm phát triển giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới.”

8. *Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:*

“Điều 14. Cơ cấu tổ chức của trường đại học

1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học gồm:

a) Hội đồng trường, hội đồng học viện (sau đây gọi chung là hội đồng trường).

b) Giám đốc hoặc hiệu trưởng (sau đây gọi chung là hiệu trưởng); các phó giám đốc hoặc phó hiệu trưởng (sau đây gọi chung là phó hiệu trưởng).

c) Hội đồng khoa học và đào tạo; các hội đồng khác (nếu có).

d) Khoa, phòng chức năng; thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ và các tổ chức phục vụ đào tạo khác;

đ) Trường, phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh và các đơn vị khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của trường đại học.

2. Cơ cấu tổ chức cụ thể của trường đại học, mối quan hệ và mức độ tự chủ của các đơn vị thuộc trường đại học được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Cơ cấu tổ chức của đại học

1. Cơ cấu tổ chức của đại học gồm:

a) Hội đồng đại học;

b) Giám đốc; các phó giám đốc;

c) Hội đồng khoa học và đào tạo; các hội đồng khác (nếu có).

d) Trường đại học thành viên và/hoặc trường, ban chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ, thư viện và các tổ chức phục vụ đào tạo khác;

đ) Khoa, phân hiệu, viện, trung tâm, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh và các đơn vị khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của đại học.

2. Cơ cấu tổ chức cụ thể đại học, mối quan hệ và mức độ tự chủ của các đơn vị thành viên và các đơn vị khác thuộc đại học được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức và hoạt động của đại học.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hội đồng trường đại học công lập

1. Hội đồng trường đại học công lập (sau đây gọi là hội đồng trường) là tổ chức quản trị, đại diện cho quyền sở hữu nhà nước và các bên có lợi ích liên quan.

2. Hội đồng trường có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển trường và kế hoạch hàng năm;

b) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định khác của nhà trường sau khi tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cá nhân, đơn vị chịu sự tác động trực tiếp của quy định;

c) Quyết định chính sách tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, khoa

học và công nghệ, hợp tác quốc tế, chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động;

d) Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của nhà trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, giảng viên, người lao động phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Quyết định nhân sự hiệu trưởng trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm phó hiệu trưởng và các chức danh quản lý trong trường do hiệu trưởng đề xuất; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của hiệu trưởng hằng năm; lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ, đột xuất, nếu thấy cần thiết;

e) Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển trường; chính sách học phí, học bổng, chính sách việc làm cho sinh viên tốt nghiệp; thông qua dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm; giám sát việc quản lý sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường;

g) Quyết định việc ký kết các hợp đồng có giá trị lớn, quy định chính sách tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của các chức danh lãnh đạo, quản lý nhà trường theo kết quả, hiệu quả công việc và các vấn đề quan trọng khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

h) Phân cấp cho hiệu trưởng thực hiện một số quyền hạn của hội đồng trường để đảm bảo định hướng pháp triển nhà trường và công tác quản lý điều hành các hoạt động linh hoạt, hiệu quả;

i) Giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường và trách nhiệm giải trình của hiệu trưởng; báo cáo hàng năm trước hội nghị toàn trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của hội đồng trường.

k) Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của hội đồng trường, về những tác động tới xã hội và lợi ích của các bên liên quan; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

l) Chịu sự giám sát của xã hội, của các cá nhân và tổ chức trong trường; thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Thành viên hội đồng trường

a) Số lượng thành viên hội đồng trường phải là số lẻ, tối thiểu là 15 người, bao gồm các thành viên trong và ngoài trường.

b) Các thành viên trong trường, gồm:

- Thành viên đương nhiên: Bí thư cấp uỷ, hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là người học của trường;

- Thành viên do hội nghị toàn trường hoặc hội nghị đại biểu trường bầu: đại diện giảng viên chiếm tỷ lệ tối thiểu 25% tổng số thành viên của hội đồng trường; đại diện chuyên viên và người lao động;

c) Thành viên ngoài trường chiếm tỷ lệ tối thiểu 30% tổng số thành viên của hội đồng trường, gồm:

- Đại diện của cộng đồng xã hội do hội nghị toàn trường hoặc hội nghị đại biểu trong trường bầu chọn: các nhà lãnh đạo, quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên uy tín; đại diện cơ quan, tổ chức sử dụng lao động;

- Đại diện của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

d) Nhiệm vụ của thành viên hội đồng trường: Thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng trường, nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng trường phân công và các nhiệm vụ khác theo quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của trường; tham gia đầy đủ các phiên họp hội đồng trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

4. Chủ tịch hội đồng trường

a) Chủ tịch hội đồng trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín ở trong và ngoài trường; có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học và đủ sức khỏe để làm việc; độ tuổi giữ vị trí chủ tịch hội đồng trường công lập theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch hội đồng trường do hội đồng trường bầu trong số các thành viên của hội đồng trường theo nguyên tắc đa số, bỏ phiếu kín, được cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận. Trường hợp thành viên bên ngoài trường trúng cử Chủ tịch Hội đồng trường thì phải trở thành cán bộ cơ hữu của trường. Chủ tịch hội đồng trường không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong trường.

c) Chủ tịch hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng trường; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đồng trường; chỉ đạo chuẩn bị các cuộc họp của hội đồng trường; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của hội đồng trường;

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường, ký các văn bản thuộc thẩm quyền của hội đồng trường; sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của hội đồng trường;

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên hội đồng trường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

5. Danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của hội đồng trường

a) Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, danh sách chủ tịch và thành viên hội đồng trường được công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

b) Nhiệm kỳ của hội đồng trường là 5 năm. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 3 tháng một lần và có thể họp đột xuất theo đề nghị của chủ tịch hội đồng trường hoặc hiệu trưởng hoặc của ít nhất 1/3 tổng số thành viên của hội đồng trường. Cuộc họp hội đồng trường hợp lệ nếu có trên 50% tổng số thành viên dự họp;

c) Hội đồng đại học làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số thành viên hội đồng trường.

6. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định cụ thể về hội đồng trường như sau:

a) Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, việc uỷ quyền của chủ tịch hội đồng trường;

b) Tiêu chuẩn, thủ tục bầu, miễn nhiệm phó chủ tịch (nếu có) và thư ký hội đồng trường;

c) Số lượng, cơ cấu thành viên; việc bổ sung, thay thế thành viên; hình thức quyết định của hội đồng trường đối với từng loại hoạt động;

d) Thủ tục hội đồng trường quyết định nhân sự hiệu trưởng trong quy trình bổ nhiệm hiệu trưởng; căn cứ và thủ tục đề xuất bãi nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng; thời gian tối đa giữ vị trí của một hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh quản lý trường;

đ) Ngân sách hoạt động, cơ quan thường trực, cơ quan kiểm soát và bộ máy giúp việc của hội đồng trường; thủ tục, thành phần của hội nghị toàn trường hoặc hội nghị đại biểu trong trường;

e) Việc phân cấp cho hiệu trưởng thực hiện một số quyền hạn của hội đồng trường và các nội dung khác theo yêu cầu tổ chức và hoạt động của hội đồng trường.

7. Hội đồng trường đại học thành viên của đại học thực hiện theo quy định tại Điều này và quy chế tổ chức và hoạt động của đại học.

8. Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; hội đồng trường của các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.”

11. Bổ sung Điều 16a như sau:

“Điều 16a. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách của nhà nước Việt Nam. Trong trường hợp một cá nhân, một tổ chức kinh tế nước ngoài hoặc một số tổ chức kinh tế, cá nhân đầu tư thì phải thành lập tổ chức kinh tế mới tại Việt Nam theo quy định của

pháp luật Việt Nam.

2. Nhà đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật này, Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Quyền hạn và trách nhiệm của nhà đầu tư cụ thể như sau:

a) Thông qua chiến lược phát triển cơ sở giáo dục đại học do hội đồng trường, hội đồng đại học đề xuất;

b) Quyết định tổng vốn góp của các nhà đầu tư, dự án đầu tư phát triển trường, việc huy động vốn đầu tư (nếu có); phương án sử dụng phần chênh lệch thu chi hàng năm hoặc phương án xử lý lỗ của trường; thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

c) Bầu hoặc cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên bầu của hội đồng trường, hội đồng đại học; thông qua tiêu chuẩn, phương án nhân sự hiệu trưởng do hội đồng trường, hội đồng đại học đề xuất;

d) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của hội đồng trường, hội đồng đại học;

đ) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính của cơ sở giáo dục đại học; thông qua các nội dung liên quan đến tài chính, tài sản trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, trong đó có quy định về chính sách tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của các chức danh lãnh đạo, quản lý cơ sở giáo dục đại học;

e) Góp vốn và giám sát việc góp vốn vào cơ sở giáo dục đại học đầy đủ và đúng hạn theo đề án thành lập cơ sở giáo dục đại học.

g) Thành lập ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này để kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong các hoạt động quản lý, điều hành của hội đồng trường, hội đồng đại học, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các đơn vị trong cơ sở giáo dục đại học;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của hội đồng trường, hội đồng đại học gây thiệt hại cho cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật;

k) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học;

l) Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật;

m) Đối với nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận được vinh danh về công lao góp vốn đầu tư thành lập, xây dựng và phát triển cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học tự thực, cơ sở giáo dục đại học tự thực hoạt động

không vì lợi nhuận đã được thành lập trước khi Luật này có hiệu lực có quyền thành lập hoặc không thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp không thành lập tổ chức kinh tế thì nhà đầu tư tuân thủ theo quy định của Luật này và của quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; những vấn đề phát sinh không được quy định trong Luật này và trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường thì thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở giáo dục đại học không thành lập tổ chức kinh tế phải ghi rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động việc lựa chọn quy định về loại hình doanh nghiệp nào để áp dụng giải quyết những vấn đề phát sinh nêu trên; quy định cụ thể về phương thức hoạt động của nhà đầu tư; quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư, ban kiểm soát phù hợp với loại hình doanh nghiệp được lựa chọn.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (sau đây gọi là hội đồng trường) là tổ chức quản trị, đại diện cho các nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan.

2. Hội đồng trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật này, trừ những nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của nhà đầu tư; được trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

3. Thành viên hội đồng trường là số lẻ, có thành phần như sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục, gồm: đại diện nhà đầu tư và các thành viên khác đại diện cho cộng đồng nhà trường và cộng đồng xã hội do hội nghị nhà đầu tư bầu chọn, quyết định theo tỷ lệ vốn góp;

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận gồm:

- Đại diện nhà đầu tư do các nhà đầu tư bầu chọn, quyết định theo tỷ lệ vốn góp;

- Đại diện cộng đồng nhà trường gồm: Các thành viên đương nhiên: Bí thư cấp uỷ, chủ tịch Công đoàn, đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là người học của trường, hiệu trưởng; các thành viên do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu trong trường bầu gồm: đại diện người lao động; đại diện giảng viên;

- Đại diện của cộng đồng xã hội do hội nghị toàn trường hoặc hội nghị đại biểu trong trường bầu chọn: các nhà lãnh đạo, quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên uy tín; đại diện cơ quan, tổ chức sử dụng lao động;

4. Danh sách, nhiệm kỳ, chủ tịch hội đồng trường, nguyên tắc làm việc, phiên họp hội đồng trường thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Luật này và các quy định sau:

a) Hiệu trưởng (nếu không phải là thành viên hội đồng trường) có quyền tham dự và thảo luận tại các cuộc họp hội đồng trường nhưng không có quyền biểu quyết.

b) Nếu chủ tịch hội đồng trường là chủ tài khoản, là người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục đại học thì phải có tiêu chuẩn như hiệu trưởng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình; công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật này.

5. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể các nội dung theo khoản 6 Điều 16 Luật này; quy định tỷ lệ đại diện nhà đầu tư trong tổng số thành viên hội đồng trường.

6. Chính phủ quy định chi tiết quy trình thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường; việc công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hội đồng đại học

1. Hội đồng đại học có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển đại học và kế hoạch hàng năm;

b) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và các chính sách khác của đại học sau khi tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu góp ý của các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc và các tổ chức đoàn thể có liên quan trong đại học;

c) Quyết định về phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục trong đại học;

d) Quyết định về cơ cấu tổ chức, đơn vị thành viên của đại học; tiêu chuẩn chủ tịch, phó chủ tịch, thành viên hội đồng đại học; tiêu chuẩn giám đốc, phó giám đốc đại học; trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm giám đốc; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm phó giám đốc và các chức danh quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc trong đại học do giám đốc đề xuất; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của giám đốc hàng năm; lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ, đột xuất, nếu thấy cần thiết;

đ) Quyết định đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực dùng chung trong đại học; huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển đại học; thông qua dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm, chính sách học phí, học bổng, chính sách việc làm

cho sinh viên tốt nghiệp, giám sát việc quản lý sử dụng tài chính, tài sản của đại học;

e) Phân cấp cho giám đốc thực hiện một số quyền hạn của hội đồng đại học để đảm bảo định hướng pháp triển đại học và công tác quản lý điều hành các hoạt động linh hoạt, hiệu quả;

g) Giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng đại học, việc tuân thủ pháp luật, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đại học và trách nhiệm giải trình của giám đốc; báo cáo hàng năm trước hội nghị toàn thể của đại học về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của hội đồng đại học;

h) Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của hội đồng đại học, về những tác động tới xã hội và lợi ích của các bên liên quan; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được quy định; chịu sự giám sát của xã hội, của các cá nhân và tổ chức trong đại học;

i) Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của đại học; các nhiệm vụ, quyền hạn khác đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc quy định tại khoản 2, Điều 16 Luật này.

k) Hội đồng đại học tự thực thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này, trừ những nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của nhà đầu tư quy định tại Điều 16a; được trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm giám đốc đại học theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đại học.

2. Thành viên hội đồng đại học phải là số lẻ, có thành phần như sau:

a) Đối với hội đồng đại học công lập gồm:

- Thành viên trong đại học, gồm: Giám đốc, bí thư đảng ủy, đại diện Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là người học, chủ tịch Công đoàn cấp đại học; chủ tịch hội đồng các đơn vị thành viên (nếu có); đại diện cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên do hội nghị đại biểu trong đại học bầu;

- Thành viên ngoài đại học chiếm tỷ lệ tối thiểu 30% tổng số thành viên của hội đồng đại học, gồm: đại diện của cộng đồng xã hội do hội nghị đại biểu trong đại học bầu: các nhà lãnh đạo, quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên uy tín; đại diện cơ quan, tổ chức sử dụng lao động; đại diện của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

b) Đối với đại học tư thực, gồm: đại diện nhà đầu tư và các thành viên khác đại diện cho cộng đồng nhà trường và cộng đồng xã hội do hội nghị nhà đầu tư bầu chọn, quyết định theo tỷ lệ vốn góp;

c) Nhiệm vụ của thành viên hội đồng đại học: Thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng đại học, nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng đại học phân công và các nhiệm vụ khác theo quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của đại học; tham gia đầy đủ các phiên họp hội đồng đại học, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của

mình.

3. Chủ tịch hội đồng đại học công lập, danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của hội đồng đại học công lập áp dụng theo quy định tại các khoản 4, 5 Điều 16 của Luật này. Chủ tịch hội đồng đại học tư thục, danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của hội đồng đại học tư thục áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này.

4. Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quy định cụ thể về hội đồng đại học như sau:

- a) Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, việc uỷ quyền của chủ tịch hội đồng đại học;
- b) Tiêu chuẩn, thủ tục bầu, miễn nhiệm phó chủ tịch (nếu có) và thư ký hội đồng đại học;
- c) Số lượng, cơ cấu thành viên; việc bổ sung, thay thế thành viên; hình thức quyết định của hội đồng đại học đối với từng loại hoạt động;
- d) Thủ tục hội đồng đại học quyết định nhân sự giám đốc; căn cứ và thủ tục đề xuất bãi nhiệm, miễn nhiệm giám đốc; thời gian tối đa giữ vị trí của một giám đốc, phó giám đốc đại học và các chức danh quản lý trong các đơn vị thuộc đại học;
- đ) Ngân sách hoạt động, cơ quan thường trực, cơ quan kiểm soát, bộ máy giúp việc của hội đồng đại học, thủ tục, thành phần của hội nghị đại biểu trong đại học và các quy định khác theo yêu cầu tổ chức và hoạt động của hội đồng đại học;
- e) Việc phân cấp cho giám đốc đại học thực hiện một số quyền hạn của hội đồng đại học; mối quan hệ giữa hội đồng đại học và hội đồng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc tự chủ trong đại học, nếu có; các nội dung khác theo yêu cầu tổ chức và hoạt động của hội đồng đại học

5. Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

a) Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập do hội đồng trường, hội đồng đại học (sau đây gọi là hội đồng trường) quyết định và được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận; hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận do hội đồng trường quyết định bổ nhiệm;

b) Nhiệm kỳ của hiệu trưởng do hội đồng trường quyết định, trong phạm vi nhiệm kỳ của hội đồng trường.

2. Tiêu chuẩn hiệu trưởng:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ tiến sĩ; có sức khỏe tốt; có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học. Độ tuổi giữ vị trí hiệu trưởng trong cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của pháp luật;

b) Tiêu chuẩn cụ thể của hiệu trưởng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng:

a) Là người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục đại học, là chủ tài khoản, trừ trường hợp quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tự thực, cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận có quy định khác;

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, hợp tác trong nước và quốc tế và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và theo quyết nghị, quyết định của hội đồng trường;

c) Thực hiện sự phân cấp, ủy quyền của hội đồng trường, đảm bảo định hướng pháp triển nhà trường và công tác quản lý điều hành các hoạt động linh hoạt, hiệu quả; trình các văn bản thuộc thẩm quyền của hội đồng trường, hội đồng đại học theo quy định tại các điều 16, 18 của Luật này;

d) Hằng năm, báo cáo trước hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ của hiệu trưởng và ban giám hiệu, tài chính, tài sản của trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước hội đồng trường và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức trong trường về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Nếu quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tự thực, cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận quy định chủ tịch hội đồng trường là người đại diện theo pháp luật, là chủ tài khoản thì chủ tịch hội đồng trường phải đủ tiêu chuẩn và thực hiện các quy định tại Điều này; hiệu trưởng là đại diện và chủ tài khoản theo ủy quyền, thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện, của chủ tài khoản trong phạm vi được ủy quyền.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học

1. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tại Việt Nam

a) Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học, không có tư cách pháp nhân, được thành lập ở tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với quy hoạch hệ thống đại

học của đất nước, địa phương; thực hiện một phần chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học.

b) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của phân hiệu theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; do hiệu trưởng chỉ đạo, điều hành; báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt phân hiệu về các hoạt động liên quan đến thẩm quyền quản lý của địa phương;

2. Phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam:

a) Do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đầu tư thành lập tại Việt Nam và đảm bảo điều kiện hoạt động;

b) Được thành lập và hoạt động theo quy định đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục do nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại Việt Nam.

3. Phân hiệu cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tại nước ngoài

a) Do cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thành lập tại nước ngoài và đảm bảo điều kiện hoạt động, báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Thực hiện theo các quy định của nước sở tại về thành lập và hoạt động của phân hiệu cơ sở giáo dục đại học.

4. Chính phủ quy định chi tiết về thành lập và hoạt động của phân hiệu cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.

2. Điều kiện thực hiện quyền tự chủ:

a) Đã thành lập hội đồng trường; đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục đại học;

b) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, chính sách đảm bảo chất lượng với các tiêu chuẩn chất lượng không thấp hơn các tiêu chuẩn do nhà nước quy định, các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác;

c) Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và các thông tin khác theo quy định của pháp luật;

3. Yêu cầu thực hiện quyền tự chủ:

a) Không được vi phạm các điều cấm của pháp luật;

b) Đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, hiệu quả hoạt động của

nhà trường;

c) Các quyết định của người có thẩm quyền phải phù hợp với quy định của pháp luật; cá nhân, tập thể lãnh đạo ra quyết định chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà trường và xã hội;

d) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học.

4. Quyền tự chủ trong hoạt động chuyên môn bao gồm: ban hành, tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm: ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động; danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; quyết định nhân sự quản trị quản lý trong nhà trường phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Quyền tự chủ trong tài chính và tài sản bao gồm: ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về các nguồn thu, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính, tài sản; thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và các chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ của trường;

7. Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý và các bên liên quan bao gồm:

a) Giải trình về việc thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học theo quy định, các tiêu chuẩn chất lượng do cơ sở giáo dục đại học ban hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện các quy định, các cam kết đảm bảo chất lượng hoạt động; giải trình về các quy định và việc thực hiện các quy định, các hoạt động của trường;

b) Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của trường; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với cơ quan có thẩm quyền;

c) Giải trình về mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của các chức danh lãnh đạo, quản lý trong trường trong Hội nghị cán bộ viên chức trường; thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị, kiểm toán đầu tư và mua sắm; giải trình về các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học trước cơ quan quản lý, cơ quan thanh tra, kiểm tra.

d) Thực hiện công khai trung thực trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học các nội dung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Các nội dung, hình thức giải trình khác theo quy định của pháp luật.

8. Nhà nước tăng cường kiểm định chất lượng, thanh tra, kiểm tra, đảm bảo

công khai, minh bạch để giám sát xã hội. Chính phủ quy định chi tiết về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Mở ngành đào tạo

1. Điều kiện để cơ sở giáo dục đại học được mở ngành đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước cũng như của từng lĩnh vực, đảm bảo hội nhập quốc tế;

b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu;

c) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu;

d) Có chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 36 của Luật này.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành; quyết định cho phép mở ngành thuộc lĩnh vực sức khoẻ, đào tạo giáo viên, an ninh quốc phòng; quyết định đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo.

3. Các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều này thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ đại học; nếu đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng; nếu đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tương ứng.

4. Cơ sở giáo dục đại học tự mở ngành khi chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định thì bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đó và không được tự chủ mở ngành trong thời hạn 05 năm kể từ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.”

5. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; ngay sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định tại Luật này; nếu không thực hiện đánh giá, kiểm định hoặc kết quả đánh giá, kiểm định không đạt yêu cầu thì cơ sở giáo dục đại học không được tiếp tục tuyển sinh, phải có trách nhiệm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo quyền lợi cho người học.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 34 như sau:

“1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo ngành, nhóm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với các điều kiện về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của cơ sở giáo dục đại học và các điều kiện đảm

bảo chất lượng khác;

b) Cơ sở giáo dục đại học tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh; công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp; đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

c) Cơ sở giáo dục đại học vi phạm quy định về tuyển sinh thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và không được tự xác định chỉ tiêu trong 5 năm, kể từ ngày phát hiện vi phạm.”

“3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ việc đa dạng nguồn tuyển sinh trình độ đại học từ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, người tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (nếu đủ điều kiện); quy định tiêu chí, nguyên tắc, quy trình xác định chỉ tiêu tuyển sinh; quy định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đào tạo giáo viên và đối với các cơ sở giáo dục đại học vi phạm quy định về tuyển sinh theo điểm c, khoản 1 Điều này; quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên và các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy quy định cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Số lượng tín chỉ cần tích lũy đối với mỗi trình độ được quy định trong Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; quy định thời gian đào tạo tiêu chuẩn đối với các trình độ của giáo dục đại học trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

20. Sửa đổi điểm a, b, c khoản 1 Điều 36 như sau:

“a) Chương trình đào tạo gồm: mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

b) Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ; bao gồm các loại chương trình định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng, định hướng nghề nghiệp; phải đảm bảo yêu cầu liên thông giữa các trình độ, ngành đào tạo; đảm bảo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

c) Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nếu có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực được cấp bởi tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp được nước sở tại công nhận, đảm bảo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.”

21. *Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:*

“Điều 37. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, niên chế hoặc kết hợp tín chỉ và niên chế.

2. Cơ sở giáo dục đại học chỉ được liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở được liên kết đào tạo bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo; không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên.

4. Trên cơ sở nhiệm vụ ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, cơ sở giáo dục đại học tại địa phương cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học; đào tạo chuyển tiếp cho các trường đại học khác căn cứ vào nhu cầu của địa phương.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.”

22. *Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:*

“Điều 38. Văn bằng giáo dục đại học

1. Văn bằng giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm: bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ. Chính phủ quy định văn bằng tương đương đối với một số ngành đào tạo theo định hướng nghề nghiệp chuyên sâu.

Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của một trình độ đào tạo theo quy định, hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm của người học thì được hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học cấp bằng ở trình độ đào tạo tương ứng.

2. Cơ sở giáo dục đại học thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật; công bố công khai mẫu văn bằng, các thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định:

a) Các nội dung chính ghi trên văn bằng, phụ lục văn bằng; quy định nguyên tắc việc in phôi, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng giáo dục đại học;

b) Trách nhiệm và thẩm quyền cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam khi liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài;

c) Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện việc cấp văn bằng giáo dục đại học tại Việt Nam;

d) Đề xuất cấp có thẩm quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế hoặc trực tiếp đàm phán, ký điều ước quốc tế về công nhận văn bằng với các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế khi được cấp có thẩm quyền ủy quyền;

đ) Điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận văn bằng giáo dục đại học do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp.”

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Trách nhiệm của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ

1. Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên một số cơ sở giáo dục đại học, ngành, lĩnh vực mạnh về nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.

2. Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành có liên quan quy định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học được thành lập ở Việt Nam với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ, nhưng không hình thành pháp nhân mới.

2. Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài.

3. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phải là cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, đảm bảo điều kiện có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại cho phép đào tạo và cấp bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có văn bản chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực được cấp bởi tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp được nước sở tại công nhận.

Các bên liên kết phải đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng

của chương trình đào tạo.

4. Chính phủ quy định các ngành không được liên kết đào tạo;

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đề án liên kết đào tạo với nước ngoài các ngành thuộc lĩnh vực sức khoẻ, đào tạo giáo viên.

6. Cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại Điều này được tự chủ liên kết đào tạo trình độ đại học; nếu đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học thì được tự chủ liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành tương ứng; nếu đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ thì được tự chủ liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành tương ứng.

7. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh hoặc bị chấm dứt hoạt động do không đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, cơ sở giáo dục đại học phải bảo đảm lợi ích hợp pháp của giảng viên, người lao động và người học; bồi hoàn kinh phí cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể, thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có).

8. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai các thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng; thực hiện kiểm định chương trình liên kết thực hiện tại Việt Nam ngay sau khi có sinh viên tốt nghiệp và kiểm định theo chu kỳ quy định.

9. Cơ sở giáo dục đại học tự liên kết đào tạo khi chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định hoặc vi phạm các điều kiện đảm bảo chất lượng trong đề án liên kết đào tạo thì bị đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo, không được tự chủ liên kết đào tạo trong thời hạn 05 năm kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.”

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học là quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học bao gồm hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài thông qua cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo

dục đại học.

4. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học:

- a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học;
- b) Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục đại học hoặc chương trình đào tạo trong từng giai đoạn;
- c) Làm căn cứ để cơ sở giáo dục đại học giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo;
- d) Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

5. Nguyên tắc kiểm định chất lượng

- a) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
- b) Trung thực, công khai, minh bạch;
- c) Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

6. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học bao gồm:

- a) Cơ sở giáo dục đại học;
- b) Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học

1. Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường.
2. Ban hành chính sách bảo đảm chất lượng, xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
3. Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học.

Trong chu kỳ kiểm định theo quy định, cơ sở giáo dục đại học không thực hiện kiểm định chương trình hoặc kiểm định chương trình không đạt yêu cầu phải có trách nhiệm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Sau 2 năm, nếu không thực hiện kiểm định lại chương trình hoặc kiểm định lại nhưng không đạt thì cơ sở giáo dục đại học phải dừng tuyển sinh đối với chương trình đào tạo đó, phải đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

4. Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, gồm: đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống

công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và các cơ sở dịch vụ khác.

5. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu chất lượng theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có nhiệm vụ đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học.

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có tư cách pháp nhân, độc lập về tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục đại học, có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm định và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập khi đủ điều kiện và có đề án thành lập theo quy định; được phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục khi có cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, đội ngũ kiểm định viên cơ hữu đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, cho phép hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định điều kiện và thủ tục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được công nhận hoạt động ở Việt Nam.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quyết định cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quyết định công nhận, thu hồi quyết định công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam; thẩm quyền và quy trình giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.”

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Giảng viên

1. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe; có trình độ đáp ứng quy định tại Luật Giáo dục và quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

2. Chức danh nghề nghiệp của giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư. Cơ sở giáo dục đại học bổ nhiệm chức danh giảng viên theo quy định của pháp luật và theo quy chế tổ chức và hoạt động, quy định vị

trí việc làm, nhu cầu sử dụng của cơ sở giáo dục đại học.

3. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ (trừ trợ giảng); trình độ của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ. Cơ sở giáo dục đại học ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn các chức danh của giảng viên và thời hạn bổ nhiệm các chức danh giảng viên; tỉ lệ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học.”

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 7 và khoản 9 Điều 55 như sau:

“Điều 55. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

1. Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo;

3. Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

7. Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội; được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học nơi đang làm việc.”

9. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Luật Giáo dục, Luật này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 60 như sau:

“Điều 60. Nhiệm vụ và quyền của người học

“4. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.

5. Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, các hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân, tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.”

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

“Điều 64. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục đại học

1. Các khoản thu của cơ sở giáo dục đại học:

a) Học phí và các khoản thu từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ,

khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo;

b) Khoản thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân có nhu cầu; thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao;

c) Thu từ đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường;

d) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh; từ dịch vụ phục vụ cộng đồng; từ hoạt động đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu hợp pháp khác;

đ) Nguồn vốn vay.

2. Các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của các cựu sinh viên, các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

3. Ngân sách nhà nước cấp.”

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:

“Điều 65. Học phí và các khoản thu dịch vụ khác

1. Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp cho cơ sở giáo dục đại học để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo. Mức thu học phí được xác định theo quy định tại Luật Giáo dục.

2. Mức thu học phí, phí dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai chi phí đào tạo; mức thu học phí, mức thu phí dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác cho từng năm học và cho cả khoá học cùng với thông báo tuyển sinh; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí vào quỹ hỗ trợ sinh viên để hỗ trợ cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

“Điều 66. Quản lý tài chính của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên, có nghị quyết thông qua của hội đồng đại học được sử dụng nguồn tài chính như sau:

a) Quyết định sử dụng nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước cấp để đầu tư các dự án thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

b) Quyết định nội dung và mức chi từ các nguồn thu học phí và thu sự nghiệp, nguồn kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ, bao gồm cả chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý và được quy định trong quy chế tài chính của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học được Nhà nước giao nhiệm vụ gắn với nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản công.

4. Phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học tự thực phải dành ít nhất 25% để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học, cho các hoạt động giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học, thực hiện trách nhiệm xã hội. Đối với cơ sở giáo dục đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận, toàn bộ phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi để tích lũy hàng năm là tài sản chung hợp nhất không phân chia, để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học.

5. Hàng năm, cơ sở giáo dục đại học phải thực hiện kiểm toán và công khai nguồn tài chính, việc sử dụng các nguồn tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định mức độ tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập không thuộc khoản 2 Điều này; quy định cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học; quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học; việc rút vốn và chuyển nhượng vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm sự ổn định và phát triển cơ sở giáo dục đại học.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan quản lý có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học.”

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:

“Điều 67. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học

1. Tài sản của cơ sở giáo dục đại học công lập được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công. Cơ sở giáo dục đại học được tự chủ sử dụng một phần tài sản vào kinh doanh, cho thuê, liên kết nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

2. Tài sản của cơ sở giáo dục đại học tự thực, cơ sở giáo dục đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc sau:

a) Đối với tài sản của nhà nước và quyền sử dụng đất được Nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học phải được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với tài sản nhà nước (không bao gồm quyền sử dụng đất) phải theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển;

b) Đối với tài sản chung hợp nhất không phân chia:

- Tài sản chung hợp nhất không phân chia bao gồm tài sản được viện trợ, tài trợ, hiến tặng, cho tặng và tài sản khác được pháp luật quy định là tài sản chung hợp nhất không phân chia;

- Tài sản chung hợp nhất không phân chia thuộc sở hữu của cộng đồng nhà trường, do hội đồng đại học đại diện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người chuyển giao quyền sở hữu tài sản (nếu có), vì mục đích phát triển trường và vì lợi ích của cộng đồng, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào. Trong trường hợp chuyển nhượng vốn của cơ sở giáo dục đại học thì tài sản chung hợp nhất không phân chia không được tính vào giá trị tài sản được định giá để phân chia cho những người góp vốn của cơ sở giáo dục đại học. Trong trường hợp giải thể cơ sở giáo dục đại học, tài sản chung hợp nhất không phân chia được coi là tài sản chung của cộng đồng do cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng cho mục đích phát triển giáo dục đại học.

c) Đối với tài sản không thuộc các điểm a, b khoản này, cơ sở giáo dục đại học có quyền tự quyết định việc quản lý, sử dụng, định đoạt và tự chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Tài sản của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.”

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

“Điều 68. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục đại học

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học.

3. Quy định các chuẩn giáo dục đại học, bao gồm: chuẩn cơ sở giáo dục đại học, chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn giảng viên, cán bộ quản lý và các chuẩn khác; quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, quy chế tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra đánh giá và cấp văn bằng, chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân; quản lý việc bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học để phục vụ công tác xây dựng chính sách, chiến lược phát triển giáo dục đại học; kiểm định, đánh giá, quản lý, giám sát và đáp ứng nhu cầu thông tin cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục đại học.

6. Xây dựng cơ chế, quy định về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục đại học

7. Quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục đại học.

8. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục đại học.

9. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục đại học.”

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 69 như sau:

“Điều 69. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học

3. Bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhân lực của ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý để hỗ trợ công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo phân cấp của Chính phủ; hỗ trợ phát triển cơ sở giáo dục đại học tại địa phương; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn; thực hiện xã hội hóa giáo dục đại học; bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học tại địa phương.

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 73 như sau:

“Điều 73. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

1. Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tổ chức đào tạo, quản lý đào tạo và các quy định khác phù hợp với lĩnh vực sức khỏe và một số lĩnh vực chuyên sâu đặc thù.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản của Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13

1. Thay thế các cụm từ: “chủ động” bằng “tự chủ” tại khoản 2, Điều 8; cụm từ “Hiệp định ký kết với Nhà nước Việt Nam” bằng cụm từ “điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” tại Điều 63; cụm từ “tự chịu trách nhiệm” bằng “trách nhiệm giải trình” tại Điều 53.

2. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 29.

3. Bãi bỏ các cụm từ: “vùng, đại học quốc gia; viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ” tại Điều 2; “được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện, đại học” và “cho hiệu trưởng, giám đốc”

tại khoản 1, Điều 19; “quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và” tại Điều 22; “Thủ tướng” tại khoản 1 Điều 27; “quy hoạch phát triển nguồn nhân lực” tại điểm a, khoản 1 Điều 34; “và quy hoạch”, “Thủ tướng” tại khoản 1, khoản 2 Điều 48; “Điều 74 của” tại khoản 1, Điều 57; “các điều 89, 90, 91 và 92 của” tại khoản 1, Điều 62; “mở rộng quy mô,” tại khoản 4 Điều 69.

Điều 3. Bổ sung cụm từ “giáo dục đại học” tại điểm i khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

“i. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học”

Điều 4. Bổ sung khoản 6 Điều 54 Luật Đất đai 45/2013/QH13 như sau:

“6. Cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận sử dụng đất xây dựng trường”.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 10 năm 2018.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân